

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

Thiết kế hệ thống rửa tay khử khuẩn tự động kết hợp kiểm soát giãn cách sử dụng trí tuệ nhân tạo	5	Nguyễn Quang Biên Đỗ Hoàng Khôi Nguyên Nguyễn Tuấn Nguyễn Trọng Các Trương Cao Dũng
Nghiên cứu cảm biến vị trí rôto trong máy điện từ kháng	12	Phạm Công Tảo Phạm Thị Hoan
Nghiên cứu thiết kế thiết bị lọc không khí sử dụng công nghệ ion âm	17	Nguyễn Trọng Các Nguyễn Chí Thành Ngô Phương Thủy Bùi Đăng Thành
Ứng dụng Detectron2 phân loại quả cà chua	24	Hoàng Thị An Phạm Văn Kiên

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

Phân tích, so sánh ô tô pin nhiên liệu và ô tô điện	31	Vũ Hoa Kỳ Trần Hải Đăng Nguyễn Long Lâm Dương Thị Hà
Nghiên cứu phương pháp Polynomial Chaos Creux, áp dụng cho hệ thống treo trên ô tô	38	Đào Đức Thụ Nguyễn Đình Cương Phạm Văn Trọng
Nghiên cứu xác định các hệ số lực khí động của xe du lịch	45	Đỗ Tiến Quyết

NGÀNH TOÁN HỌC

Hiệu chỉnh nguyên lý cực đại Pontryagin trong bài toán điều khiển tối ưu	49	Nguyễn Thị Huệ Lưu Trọng Đại
--	----	---------------------------------

NGÀNH KINH TẾ

Ứng dụng mô hình “kim tự tháp” của Carroll Archie đánh giá mức độ quan tâm của các bên liên quan đến trách nhiệm xã hội của Trường Đại học Sao Đỏ	56	Vũ Thị Hường Nguyễn Thị Thủy Nguyễn Thị Huế Nguyễn Thị Thu Trang
---	----	---

NGÀNH KINH TẾ

Cơ hội và thách thức trong đào tạo nguồn nhân lực ngành Logistics	64	Nguyễn Thị Thủy Nguyễn Thị Huế
---	----	-----------------------------------

LIÊN NGÀNH HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

Ảnh hưởng của hạt nano vàng lên tính chất của vật liệu $Zn_2SnO_4:Eu_3^+$	72	Nguyễn Ngọc Tú Nguyễn Duy Thiện
---	----	------------------------------------

NGÀNH GIÁO DỤC HỌC

Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trải nghiệm thực tế cho sinh viên chuyên ngành Hướng dẫn du lịch, Trường Đại học Sao Đỏ	77	Nguyễn Thị Hương Huyền Nguyễn Thị Sao
Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh chuyên ngành tại Trường Đại học Sao Đỏ	86	Nguyễn Thị Thảo Trần Thị Mai Hương

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

Giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay trong điều kiện tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0	92	Nguyễn Thị Hiền
Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở tỉnh Hải Dương hiện nay	101	Vũ Văn Đông
Giáo dục đạo đức mới trong việc phát triển nhân cách cho thanh niên tỉnh Hải Dương trong bối cảnh mới hiện nay	110	Đỗ Thị Thùy Phạm Thị Mai
Giá trị và ý nghĩa thời đại tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỷ XVIII	120	Phạm Văn Dự Trần Thị Hồng Nhung Vũ Văn Chương

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- | | | |
|---|----|---|
| Design of an automatically sterilized-hand washing system combined with social distancing control using artificial intelligence | 5 | Nguyen Quang Bien
Do Hoang Khoi Nguyen
Nguyen Tuan
Nguyen Trong Cac
Truong Cao Dung |
| Research on position sensor rotor in switched reluctance machines | 12 | Pham Cong Tao
Pham Thi Hoan |
| Research and design of air purification device using negative Ion technology | 17 | Nguyen Trong Cac
Nguyen Chi Thanh
Ngo Phuong Thuy
Bui Dang Thanh |
| Application Detectron2 classifies tomatoes | 24 | Hoang Thi An
Pham Van Kien |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- | | | |
|---|----|---|
| Analysing and comparing fuel cell vehicle and electric vehicle | 31 | Vu Hoa Ky
Tran Hai Dang
Nguyen Long Lam
Duong Thi Ha |
| Study on application of Polynomial Chaos Creux method for automotive suspension | 38 | Dao Duc Thu
Nguyen Dinh Cuong
Pham Van Trong |
| Research for determination of force coefficients of the sedan | 45 | Do Tien Quyet |

TITLE FOR MATHEMATICS

- | | | |
|--|----|---------------------------------|
| Correction of the maximum principle of Pontryagin in the optimal control problem | 49 | Nguyen Thi Hue
Luu Trong Dai |
|--|----|---------------------------------|

TITLE FOR ECONOMICS

- | | | |
|---|----|---|
| Applection of carroll archie's "seft - seft - pyramid" model to assess the interest of the parties involved in social responsibility of Sao Do University | 56 | Vu Thi Huong
Nguyen Thi Thuy
Nguyen Thi Hue
Nguyen Thi Thu Trang |
|---|----|---|

TITLE FOR ECONOMICS

Opportunities and challenges in human resource training logistics industry 64 Nguyen Thi Thuy
Nguyen Thi Hue

TITLE FOR CHEMISTRY AND FOOD TECHNOLOGY

Effect of gold nanoparticles on the fluorescence properties of $Zn_2SnO_4:Eu^{3+}$ material 72 Nguyen Ngoc Tu
Nguyen Duy Thien

TITLE FOR STUDY OF EDUCATION

Solutions to improve the effect of practical experience activities for students of tourist guide major at Sao Do University 77 Nguyen Thi Huong Huyen
Nguyen Thi Sao

Improving the quality of specialized English teaching and learning at Sao Do University 86 Nguyen Thi Thao
Tran Thi Mai Huong

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

Teaching political theory modules at Sao Do University in the context of the impact of the industrial revolution 4.0 92 Nguyen Thi Hien

Creating jobs for rural workers in Hai Duong province today 101 Vu Van Dong

New moral education in personality development for young people in Hai Duong province in the current new context 110 Do Thi Thuy
Pham Thi Mai

Contemporary significance and value of the Vietnamese humanistic thought era in the eighteenth century 120 Pham Van Du
Tran Thi Hong Nhung
Vu Van Chuong

Giá trị và ý nghĩa thời đại của tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỷ XVIII

Contemporary significance and value of the Vietnamese humanistic thought era in the eighteenth century

Phạm Văn Dự*, Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Chương

*Email: phamvandu84@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 03/01/2021

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 12/8/2021

Ngày chấp nhận đăng: 30/9/2021

Tóm tắt

Thế kỷ XVIII triều đình nhà nước phong kiến Việt Nam thối nát, giai cấp thống trị ngày càng ăn chơi xa đọa và tăng cường áp bức bóc lột nông dân. Hàng loạt các cuộc nổi dậy của nông dân nổ ra khắp cả nước, Việt Nam bị thế lực ngoại bang xâm lược... Chính những biến cố và những thăng trầm của lịch sử đất nước. Một mặt gây nên bao cảnh tang thương, hủy hoại các nguồn lực của quốc gia, mặt khác đã để lại những giá trị to lớn về văn hóa, tư tưởng nói chung và giá trị nhân văn nói riêng như: Lòng tự tôn, tự hào về truyền thống văn hiến của dân tộc; tinh thần nhân chính; tư tưởng đề cao giá trị con người; lòng thương cảm, sẻ chia đối với những kiếp người bất hạnh; tinh thần đấu tranh vì tình yêu, hạnh phúc lứa đôi, đấu tranh vì quyền của phụ nữ,... Trong bài nghiên cứu này, tác giả phân tích ý nghĩa đương thời và giá trị thời đại tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỷ XVIII.

Từ khóa: Tư tưởng; tư tưởng nhân văn thế kỷ XVIII; ý nghĩa tư tưởng nhân văn thế kỷ XVIII.

Abstract

Eighteenth century the rotten feudal state court, the ruling class increasingly depraved and intensified oppression and exploitation of peasants. A series of peasant uprisings broke out across the country, Vietnam was invaded by foreign forces... It was the events and ups and downs of the country's history that left great cultural values, thoughts in general and human values in particular such as: pride, pride in the nation's cultural traditions; main human spirit; the thought of promoting human values; compassion, sharing for unhappy human lives; the spirit of fighting for love, happiness for couples, fighting for women's rights,... in this research paper, the author analyzes contemporary significance and values of the era of Vietnamese human thought XVIII century.

Keywords: The eighteenth century humanistic thought; the eighteenth century humanistic thought.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thế kỷ XVIII là một giai đoạn có rất nhiều những biến động về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, tư tưởng trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam, chính những thăng trầm của lịch sử đó là tiền đề cho sự hình thành và quy định nội dung tư tưởng nhân văn giai đoạn này. Nội hàm tư tưởng nhân văn thế kỷ XVIII có ý nghĩa hết sức to lớn đối với xã hội đương thời. Đặc biệt, giai đoạn hiện nay Việt Nam đang trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh thì những giá trị tư tưởng nhân văn trong giai đoạn này càng cần

được chúng ta kế thừa, phát huy để làm giàu thêm cho chủ nghĩa nhân văn thời đại Hồ Chí Minh - nhân văn Hồ Chí Minh.

2. Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN Ở VIỆT NAM THẾ KỶ XVIII

Thế kỷ XVIII các nhà tư tưởng đã tố cáo bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của chế độ phong kiến chà đạp lên quyền sống của con người với những sưu cao, thuế nặng, các cuộc chiến tranh phi nghĩa tranh giành lợi ích giữa các tập đoàn phong kiến khiến đời sống người lao động lầm than, cơ cực. Đồng thời họ cũng đề cao giá trị người và đấu tranh vì hạnh phúc của con người nhất là người phụ nữ, khẳng định giá trị người nói chung và khẳng định giá trị con người với tư cách con người cá nhân. Trong đó, tinh thần tự tôn, tự hào

Người phản biện: 1. PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hà

2. PGS. TS. Lê Thị Lan

dân tộc chính là nội dung chủ yếu nhất của tư tưởng nhân văn ở Việt Nam thế kỷ XVIII.

Thứ nhất, tư tưởng nhân văn giai đoạn này đã khái quát một bức tranh tổng thể về xã hội và lên án chế độ phong kiến suy tàn chà đạp lên đời sống và quyền sống của nhân dân lao động.

Họ đã tố cáo giai cấp cầm quyền mặc sức vơ vét của cải, áp bức nhân dân. Tuyệt đối hóa vai trò của đồng tiền hay nói cách khác lấy đồng tiền làm thước đo giá trị trong tất cả các mối quan hệ, để rồi dẫn tới phóng dật, ăn chơi hưởng lạc quên đi vai trò dưỡng dân, giáo dân, trị nước. Chính ý nghĩa tư tưởng này phần nào đã thúc đẩy sự thức tỉnh ý thức của quần chúng lao động, đoàn kết đứng lên chống lại giai cấp thống trị trên cả phương diện tư tưởng và lợi ích kinh tế.

Thứ hai, chủ nghĩa nhân văn đã xây dựng lòng tự tôn dân tộc, một trong những cơ sở cho chủ nghĩa yêu nước

Các nhà tư tưởng đã nhận thức được sức mạnh hiệu triệu và tinh thần đoàn kết của lòng tự tôn dân tộc sẽ gắn kết cả dân tộc thành một khối sức mạnh thống nhất. Tự tôn, tự hào dân tộc là nền tảng cho việc bảo tồn, lưu giữ, phát triển những giá trị văn hiến truyền thống dân tộc, là sức mạnh để cứu nước. Bời lẽ, một dân tộc mà không có lòng tự hào về giá trị văn hiến của dân tộc mình, tự ti trước kẻ thù thì dân tộc đó sớm muộn cũng bị đồng hóa hoặc bị diệt vong. Chính vì vậy, các nhà tư tưởng thế kỷ XVIII với ý thức tự hào, tự tôn dân tộc họ đã phục dựng, bảo tồn, phát triển những gì là văn hiến của dân tộc qua hàng nghìn năm lịch sử để dân tộc ta đứng vững trước mưu đồ xảo quyệt “đồng hóa” và xóa bỏ tinh hoa văn hóa truyền thống của kẻ thù.

Khi lòng tự tôn, tự hào về dân tộc là cơ sở cho chủ nghĩa yêu nước, sẽ sản sinh ra những nhân vật anh hùng, những con người đứng lên kêu gọi nhân dân đánh đuổi quân xâm lược. Vì lợi ích quốc gia dân tộc, vì hạnh phúc của muôn dân, vua Quang Trung đã đứng lên đấu tranh tiêu diệt loạn thần, đánh đuổi quân xâm lược vì độc lập dân tộc, quyền sống, sự ấm no hạnh phúc của muôn người. Quang Trung - Nguyễn Huệ vừa là anh hùng của thời đại này, cũng vừa là một đại biểu xuất sắc thế kỷ XVIII về tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc. “Hành động của họ không phải xuất phát từ tình cảm đơn thuần mà từ một nhận thức sâu sắc về lòng tự tôn dân tộc, về phẩm giá con người, về xu thế chuyển biến của lịch sử, cũng như địa vị của mỗi con người trong cuộc đấu tranh” [5].

Thứ ba, tinh thần nhân đạo, khoan dung, nhân văn của dân tộc Việt Nam trong quan hệ ngoại giao

Trong cuộc chiến tranh chống quân Thanh, vua Quang Trung không hề lẫn lộn giai cấp thống trị, bọn phong kiến xâm lược nhà Thanh và nhân dân lao động Trung Quốc. Vì thế, trong đấu tranh binh vận, ngoại giao ông vạch rõ bản chất triều đình nhà Thanh kẻ gây ra cuộc xâm lược và gây ra những tội ác trên đất nước ta. Cuộc chiến tranh xâm lược đã gây ra đau khổ cho nhân dân cả hai nước. Chính vì vậy, khi quân Thanh bị đánh bại, chúng ta sẵn sàng chiêu an, giúp đỡ hàng binh, cấp lương, tạo điều kiện để họ được an toàn về nước. Chính sách nhân đạo này có ý nghĩa chiến lược sâu sắc, cho thấy tầm nhìn lịch sử xa rộng của vua Quang Trung. Nếu chúng ta phục thù, báo oán, đem giết hết tù binh, hàng binh thì sẽ chuốc thù, kết hận của triều đình nhà Thanh sâu nặng. Vì lòng oán thù và sự sĩ diện của một nước lớn, vua Thanh tất lại phái binh sang xâm lược nước ta, như vậy cảnh binh đao, loạn lạc lại tiếp diễn và rồi đời sống nhân dân lại rơi vào cảnh chinh chiến điêu tàn. Như vậy, chính sách khoan dung, độ lượng, nhân đạo đối với hàng binh nhà Thanh đã tạo phúc cho nhân dân hai nước, và trước hết là để bảo vệ nền hòa bình, độc lập lâu dài cho dân tộc, bảo vệ nhân dân ta không phải vướng vào cơn can qua tiếp theo.

Thứ tư, tinh thần nhân văn trong đạo trị nước, an dân thế kỷ XVIII với nội dung cốt lõi là “khoan thư sức dân”, “lấy dân làm gốc”

Các nhà tư tưởng nhân văn thế kỷ XVIII đã kêu gọi giai cấp thống trị phong kiến đương thời thi hành một số chính sách “khoan thư” nhất định cho nhân dân như: miễn, giảm tô thuế khi mất mùa, thiên tai, phát chuẩn cứu đói, đẩy mạnh khai hoang lập ấp, kêu gọi dân lưu tán về quê sinh sống sau khi loạn lạc,... (mặc dù về bản chất của chính quyền phong kiến lúc này vẫn là áp bức bóc lột, tha góp phần ổn định đời sống nhân dân lúc bấy giờ).

Thứ năm, tư tưởng đấu tranh chống lại những giáo điều của Nho giáo có ý nghĩa sâu sắc đối với đương thời

Ngô Thì Nhậm, Trần Văn Kỳ, Phan Huy Ích..., đã không còn tuyệt đối tuân thủ những quy định mang tính bất biến của Nho giáo, không còn “ngu trung” mà đã quyền biến hay nói cách khác là có tư tưởng cấp tiến, không phụng sự triều đình Lê - Trịnh mà đi theo một triều đại tiến bộ hơn đó là triều đình của Nguyễn Huệ. Chính từ hành động này mà các ông đã có những đóng góp rất to lớn vào cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và kiến thiết triều đình mới của Nguyễn Huệ phần nào đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân lúc bấy giờ.

Thứ sáu, tư tưởng tiến bộ về quyền bình đẳng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến

Cuộc đấu tranh đòi quyền bình đẳng của người phụ nữ, bảo vệ giá trị, nhân phẩm của người phụ nữ có một ý nghĩa hết sức to lớn, khi các nhà tư tưởng đã dám tấn công vào thành trì ý thức, tư tưởng của giai cấp phong kiến đó là trọng nam, khinh nữ, bất bình đẳng giới. Ở đây “nó chứa chan tinh thần nhân đạo vì nó bênh vực quyền lợi tuổi trẻ, nó chiến đấu chống lại lễ giáo khắc nghiệt, chống lại áp bức của cường quyền và của bọn thống trị phong kiến. Nó đã khơi hẳn một nguồn sống thao thao không bao giờ còn cạn được nữa” [8].

Trong các quan niệm về con người ở thời kỳ này, yếu tố con người bản năng, con người sinh học, con người với những quyền cơ bản đã được đề cập. Đây là điểm nổi trội và khác biệt căn bản với tư tưởng nhân văn các giai đoạn trước không hề đề cập hoặc nếu có đề cập thì cũng chỉ đề cập rất ít đến những thân phận thấp hèn trong xã hội, hay chỉ có sự tôn trọng, đề cao vai trò của con người quân tử - nam giới, chứ chưa đi tới quan điểm bình đẳng xã hội. Chính tư tưởng nhân văn này là tiếng nói đanh thép đòi và bảo vệ những giá trị người quan trọng, khiến cho những giáo lý, quy tắc khắc khe của xã hội phong kiến phải lùi bước.

Triết lý nhân văn của các nhà tư tưởng thế kỷ XVIII phù hợp với triết lý sống thuần hậu của con người Việt Nam, nên có sức lan tỏa lớn, dễ đi vào lòng người, dễ lay động lòng người, tạo dựng cho mỗi con người một niềm tin vào cuộc sống tốt đẹp ở tương lai. Nó có sức động viên, cổ vũ con người phấn đấu vì một xã hội tốt đẹp, hạnh phúc, con người sống yên vui, no đủ.

Chính sự vượt trội trong nội hàm tư tưởng nhân văn giai đoạn này đã cho thấy một đời sống tinh thần, tư tưởng hết sức phong phú trong mọi tầng lớp nhân dân và cũng đã tạo nên sức mạnh tinh thần, tạo ra sự cố kết, đoàn kết nhất định trong cộng đồng, xã hội và cao hơn nữa là sức mạnh để chiến thắng quân xâm lược.

3. GIÁ TRỊ CỦA TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN Ở VIỆT NAM THẾ KỶ XVIII ĐỐI VỚI HIỆN NAY

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, sự phát triển của mọi sự vật, hiện tượng đều có tính kế thừa. Đây là một trong những đặc trưng cơ bản của sự phát triển. Nó là biểu hiện của mối liên hệ phổ biến giữa các sự vật hiện tượng trong thế giới, khi cái mới ra đời thay thế cái cũ thì trong cái mới vẫn bao hàm những gì là tiến bộ, tích cực của cái cũ. Xem xét sự vận động của lịch sử trong tính biện chứng của nó với thực tiễn

ở Việt Nam cũng như xem xét sự nghiệp đổi mới đất nước như một quá trình phủ định biện chứng. Không ngoài quy luật đó, sự vận động, phát triển những nội dung tư tưởng nhân văn truyền thống trong sự nghiệp đổi mới của đất nước ta hiện nay đó là kết quả của sự kế thừa và phát triển giữa những giá trị văn hóa dân tộc và nhân loại trong thời đại đổi mới.

Những nội dung tư tưởng nhân văn ở Việt Nam thế kỷ XVIII mang đậm những giá trị đạo đức, văn hoá truyền thống, vì thế nó có ý nghĩa là sự tiếp nối truyền thống với hiện đại trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Tư tưởng nhân văn ở Việt Nam thế kỷ XVIII thể hiện những nội dung đạo đức, văn hoá như coi trọng con người, đề cao tự do, hạnh phúc, nhân phẩm người, yêu thương những người khổ cực, muốn xây dựng những con người có tâm với đất nước với xã hội và có trách nhiệm với chính bản thân con người. Thời kỳ đó ở nước ta là thời kỳ diễn ra rất nhiều những biến động lịch sử trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa..., tư tưởng nhân văn ra đời từ thực tiễn đó, đã để lại những bài học quý giá cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa nói riêng ngày nay. “Bài học của lịch sử dân tộc và nhân loại đều cho thấy, một dân tộc đã giành được độc lập nhưng không biết chọn cho mình con đường phát triển thích hợp, không biết phát huy mọi khả năng của cộng đồng để xây dựng một đời sống vật chất và tinh thần ở trình độ cao hơn, thì sớm hay muộn có thể lại rơi vào thân phận nô lệ, bởi những kẻ thù luôn có ý đồ xâm lược thôn tính mình dưới nhiều hình thức” [5]. Tìm ý nghĩa từ những bài học đó, là chúng ta tìm cơ sở tất yếu cho sự đảm bảo tính liên tục giữa tư tưởng nhân văn Việt Nam trong lịch sử với chủ nghĩa nhân văn thời đại Hồ Chí Minh, để kế thừa và phát triển nó ở một trình độ cao hơn. Có rất nhiều giá trị của tư tưởng nhân văn Việt Nam ở thế kỷ XVIII cho đến ngày nay vẫn còn ý nghĩa thời sự như:

- Lòng tự tôn và ý thức độc lập tự chủ của dân tộc.
- Tư tưởng yêu nước, thương dân, những nhà lãnh đạo đất nước phải lấy ý muốn của dân làm ý muốn của mình, phải lấy mục tiêu phục vụ nhân dân là tối thượng.
- Luôn luôn chú trọng và phát huy vai trò của nhân dân lao động trong việc xây dựng, bảo vệ đất nước.
- Vấn đề bảo vệ phẩm giá, nhân cách con người trong thời kì hòa bình trở nên cấp bách, khi mà người cầm quyền có nguy cơ lạm quyền, không thể kiểm soát được.

- Vấn đề tiếp tục đấu tranh để đem đến sự bình đẳng thật sự của người phụ nữ trong xã hội không chỉ trước đây mà ngày nay vẫn còn mang tính thời sự.

Đó là tinh thần nhân văn vì con người và xuất phát từ con người. Sự phát triển của chủ nghĩa nhân văn Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh ngày nay đó là sự tiếp nối truyền thống nhân văn của dân tộc ở một trình độ cao hơn, trên nền tảng truyền thống đó. “Bao trùm trong tư tưởng nhân văn hiện đại, vẫn là tư tưởng về giải phóng: Giải phóng con người gắn với giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, khẳng định cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do dân, vì dân, có mối quan hệ chặt chẽ giữa tình yêu nhân dân mình, dân tộc mình với lòng căm thù quân xâm lược, nhưng cũng khoan dung độ lượng với chúng” [5]. Tư tưởng nhân văn thời đại ngày nay, phản ánh hiện thực xã hội Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, với ánh sáng soi đường đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng nhân văn Việt Nam hiện nay là dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Rõ ràng, trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay, những giá trị nhân văn thế kỷ XVIII vẫn có những ý nghĩa tích cực sau:

Thứ nhất, góp phần bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc

Thế kỷ thứ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người hội tụ những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc và nhân loại, đã có sự tiếp thu và kế thừa sâu sắc chủ nghĩa yêu nước truyền thống và chính cội nguồn văn hóa truyền thống đã được Người đưa vào đường lối kháng chiến, kiến quốc để đem lại hòa bình, độc lập, tự do cho nhân dân.

Việt Nam đang trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, không chỉ nhằm mục đích nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, mà còn nhằm nâng cao uy tín, vị thế của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực. Theo chúng tôi thì độc lập tự chủ, tự tôn dân tộc là một trong những giá trị nhân văn để chúng ta vững bước trên con đường hội nhập “Với ý thức độc lập, tự chủ, khi các phương tiện thông tin hiện đại đang hoạt động trên phạm vi toàn cầu mà bất cứ ai cũng có thể giao lưu, tham khảo, chúng ta sẽ tránh được sự giao động trước các biện pháp tuyên truyền phản nhân văn của các xu hướng chính trị thù địch, và hơn nữa nhận thức được chính mình, để trên cơ sở đó, đặt và giải quyết vấn đề cấp bách, thiết thực nhằm khắc phục nguy cơ tụt hậu” [1].

Trong thời kì hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả các

lĩnh vực, Việt Nam đã và đang chịu sự ảnh hưởng rất lớn của văn hóa ngoại lai không phù hợp với văn hóa truyền thống đi ngược lại với thuần phong mỹ tục Việt Nam. Chính vì vậy, cần phải phát huy tinh thần yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc. Đó là sức mạnh nội sinh to lớn để chúng ta bảo tồn lưu giữ và phát triển những giá trị văn hóa thuần Việt.

Trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, tư tưởng tự tôn, độc lập tự chủ dân tộc luôn là điểm tựa bất biến và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt để giữ vững tinh thần, cốt cách của con người Việt Nam. Xu thế hội nhập, hợp tác là xu hướng chính của thời đại, nhưng cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ trên thế giới vẫn tiếp tục diễn ra phức tạp và các thế lực thù địch, phản động chưa bao giờ từ bỏ âm mưu chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Một trong những âm mưu đó là chúng ra sức bóp méo, xuyên tạc và xét lại những giá trị truyền thống lịch sử và thành quả cách mạng to lớn mà dân tộc ta đã giành được trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc ở thế kỷ XX. Ở đây đòi hỏi nâng cao chủ nghĩa yêu nước, lòng tự tôn dân tộc lên một trình độ mới, nội dung mới để bảo vệ và phát triển dân tộc mình trước cuộc chiến tranh không tiếng súng về tư tưởng, về thông tin, về công nghệ, về kinh tế. Nhìn nhận một cách sâu sắc thì đây là thời điểm phải luôn giữ vững và kiên định ý thức độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.

Độc lập tự chủ tự tôn, tự hào dân tộc là một trong những giá trị nhân văn truyền thống quý báu để Việt Nam tự tin vững bước trên con đường hội nhập. Việt Nam là một nước đang phát triển, hơn bao giờ hết chúng ta phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh hội nhập quốc tế với việc tiếp nhận vốn đầu tư, vốn ODA, khoa học kỹ thuật, công nghệ của nước ngoài. Do vậy, độc lập tự chủ phải là kim chỉ nam, là định hướng chỉ đạo chiến lược, để nước ta tích cực, chủ động trong quá trình hội nhập quốc tế, đồng thời khẳng định được tiếng nói uy tín và vị thế trên trường quốc tế.

Đối với Việt Nam, yêu nước bây giờ là tiến lên giàu mạnh về kinh tế, rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển trên thế giới và phong phú, sâu sắc về văn hóa, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, chủ quyền dân tộc, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, sức sáng tạo của trí tuệ Việt Nam. Niềm tự hào của dân tộc bây giờ chủ yếu không phải là chiến thắng một kẻ thù xâm lược, trực tiếp mà là ở chỗ ra sức phát triển kinh tế, xã hội để nâng cao vị thế của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế. Do vậy, giáo dục, bồi đắp, nâng cao truyền thống yêu nước, gắn bó thủy chung với cội nguồn và có lòng tự tôn, tự hào dân tộc sâu sắc

là trách nhiệm không của riêng ai. Qua đó, làm cho lòng yêu nước thương nòi ngày càng thấm sâu vào trái tim, khối óc, tình cảm, niềm tin, lẽ sống, tạo động lực thôi thúc mỗi người tự nguyện cống hiến tài năng, trí tuệ, sức lực của mình cho sự phát triển giàu mạnh, phồn vinh của Tổ quốc, vì sự trường tồn của dân tộc Việt Nam.

Thiết nghĩ, hàng trăm các trí thức trẻ, hàng nghìn những nhà khoa học có uy tín trong và ngoài nước đang được các công ty, doanh nghiệp của nước ngoài mời gọi với mức thu nhập và đãi ngộ rất cao so với ở Việt Nam. Thế nhưng, những con người này vẫn nặng lòng với quê hương, dân tộc, đã từ chối tất cả và tình nguyện đem hết sức “tâm trong, trí sáng” phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân, để đưa đất nước ta từng bước giàu mạnh sánh vai với cường quốc năm châu. Đây chính là tinh thần kế thừa và phát triển truyền thống nhân văn yêu nước của dân tộc nói chung, thế kỷ XVIII nói riêng trong thời đại Hồ Chí Minh lên tầm cao mới của thời đại.

Thứ hai, góp phần xây dựng lòng nhân ái, vị tha, sự bao dung giữa con người với con người

Lòng vị tha, nhân ái, tinh thần bao dung nó được hình thành và phát triển trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Thế kỷ XVIII, những giá trị tinh thần to lớn này ngày càng loan tỏa và ăn sâu vào đời sống xã hội.

Trong thời đại ngày nay, trên cơ sở nối tiếp và phát huy giá trị truyền thống đặc sắc của dân tộc, là tinh thần đoàn kết, sự gắn bó cộng đồng, tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ đùm bọc nhau, trong lúc khó khăn hoạn nạn, đức nhân nghĩa, lòng nhân ái,... Khi đó con người sẽ biết sống, biết yêu thương và tự nguyện hy sinh vì đất nước vì đồng loại. Chính lòng vị tha, nhân ái, sự khoan dung của dân tộc Việt Nam đã biến thành sức mạnh trong cuộc đấu tranh với quân thù và góp phần xây dựng đất nước độc lập, tự chủ và từng bước giàu mạnh.

Nếu trong xã hội mà mọi cái đều đo đếm bằng chỉ số tăng trưởng GDP của nền kinh tế phát triển, hay bằng số lượng những người giàu có, thành đạt thì mỗi gia đình không thể hạnh phúc và xã hội không thể tốt đẹp theo đúng nghĩa của nó. Ở đây, chúng ta cần chú trọng phát huy tư tưởng nhân văn dân tộc, phát huy môi trường sống lý tưởng, đạt được sự tiến bộ thực sự trong cách mà con người cư xử với nhau. Thực tiễn trong xã hội ngày nay chúng ta có rất nhiều những tấm gương tốt dũng cảm, giàu nghị lực, giàu lòng nhân ái, vị tha, vì người khác vì cộng đồng xã hội.

Cần đẩy mạnh tuyên truyền rộng rãi những giá trị nhân văn trong sáng, tươi đẹp, sống động đó để những giá trị này ngày càng lan tỏa sẽ lấn át những mảng tối, những góc khuất... Cuộc sống vốn dĩ tồn tại hai mặt tốt - xấu, nhưng chúng ta đang từng ngày đấu tranh để tiêu diệt, đẩy lùi cái xấu. Việc giáo dục tư tưởng nhân văn, lòng nhân ái, bao dung, vị tha vì con người, cho con người - nhất là những người trẻ biết yêu thương con người là việc không bao giờ là thừa.

Trong điều kiện kinh tế phát triển hiện nay, chính cuộc sống vật chất đầy đủ đã làm cho nhiều người nảy sinh tính ích kỷ, coi thường người khác, xâm phạm quyền con người. Vì đồng tiền con người đã bất chấp tất cả, làm những việc bất lương không quan tâm đến sự sống của cha mẹ, anh em, bạn bè và của đồng loại mình. Không chỉ trong cơ quan, trên thương trường mà ngay cả trong gia đình, trong sự giao tiếp ứng xử với người thân đều thiếu sự chia sẻ cảm thông và sự giúp đỡ chân thành. Đó là những biểu hiện xấu có chiều hướng gia tăng và đang len lỏi vào trong cả nếp nghĩ và cuộc sống của con người. Đứng trước thực trạng đó, tấm lòng yêu thương, tiếng nói bên vực những con người lao động, những người nghèo khổ, những người bị áp bức trong tư tưởng nhân ở văn Việt Nam nói chung, thế kỷ XVIII nói riêng đã có tác động to lớn. Nó có vai trò là tấm gương đạo đức răn dạy mỗi con người và để mỗi người nhìn vào đó học tập, sửa chữa lối sống, tự xây dựng cho mình những chuẩn mực đạo đức phù hợp trong điều kiện mới.

Thứ ba, bảo vệ và tôn vinh phẩm giá con người, phát triển con người toàn diện

Ngay từ khi giành được độc lập từ phong kiến phương Bắc ở thế kỷ thứ X và nhất là thế kỷ thứ XVIII, thì tư tưởng nhân văn về bảo vệ phẩm giá con người, tạo môi trường thuận lợi để phát triển con người. Giá trị, ý nghĩa của tư tưởng này cần được phát huy trong giai đoạn ngày nay.

Quá trình xây dựng xã hội mới Đảng ta luôn nhấn mạnh rằng: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội con người được giải phóng, nhân dân lao động làm chủ đất nước, có nền kinh tế phát triển cao và nền văn minh tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, mọi người dân đều có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân, công bằng xã hội được bảo đảm.

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết đối với việc xây dựng và đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người. Nhưng để con người có hạnh phúc, ấm no thì độc lập tự chủ mới là bước đầu. Bảo vệ nhân phẩm,

phẩm giá, các thang giá trị người khi đất nước hòa bình đó là đảm bảo các quyền cơ bản của con người: Quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, làm sao ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, con người thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, cuộc sống văn minh, hiện đại. Nếu nghèo nàn lạc hậu còn đeo bám dân tộc, đeo bám mỗi con người thì lúc ấy nhân phẩm, giá trị người sẽ không được đảm bảo bởi “nghèo dẫn đến hèn”.

Sự nghiệp đấu tranh giải phóng và bảo vệ con người là sự nghiệp làm cho con người ngày càng trở thành con người có văn hóa, con người viết hoa theo tư tưởng của Lênin. Sự nghiệp này gắn liền với quá trình đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước. Đảng và Nhà nước ta đã và đang thực hiện tốt các quyền của con người: Quyền sống và phát triển toàn diện, quyền kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, và các quyền công dân khác, chống lại mọi sự phân biệt đối xử về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, giới tính. Quyền của mỗi con người luôn gắn liền với quyền lợi dân tộc, quyền lợi quốc gia và nghĩa vụ công dân. Đó là lợi ích và chất lượng cuộc sống. Đây là động lực phát triển con người, thúc đẩy con người tích cực tham gia phát triển xã hội. Tất nhiên lợi ích của từng người gắn liền với lợi ích gia đình, cộng đồng, xã hội, lợi ích chân chính đi liền với *Chân, Thiện, Mỹ*.

Thực tiễn ở đâu đó trên đất nước Việt Nam hiện nay vẫn còn một bộ phận nhân dân đói, nghèo, vẫn còn tình trạng mù chữ, trình độ dân trí chưa cao, những điều kiện, môi trường cho con người phát triển còn hạn chế và thậm chí là còn có những hiện tượng vi phạm quy chế dân chủ. Nhưng Đảng và Nhà nước ta đang từng bước khắc phục những khó khăn, hạn chế đó với mục tiêu tất cả phục vụ nhân dân, tất cả vì sự phát triển toàn diện của con người.

Những thành tựu trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam hiện nay là kết quả của quá trình xây dựng đất nước theo con đường chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với việc kế thừa truyền thống nhân đạo, nhân văn của dân tộc Việt Nam. Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn khẳng định con người là trung tâm trong sự phát triển đất nước và cũng là mục tiêu tối thượng của sự phát triển.

Kể từ năm 1945 khi Việt Nam giành độc lập từ tay thực dân Pháp đến nay, trải qua hơn 70 năm nhân dân Việt Nam đã phải đương đầu và vượt qua rất nhiều gian khó, thác gềnh, những thăng trầm của lịch sử như: Chiến tranh, “diễn biến hòa bình - bạo loạn lật đổ”, nghèo nàn, lạc hậu, nguy cơ tụt hậu về kinh tế. Nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng chúng

ta đã từng bước vượt qua mọi khó khăn, xây dựng đất nước trên đà phát triển, từng bước xây dựng một xã hội thực sự công bằng, dân chủ, văn minh. Đảng và nhà nước đảm bảo các quyền tự do cá nhân con người. Đặc biệt là thành tựu to lớn trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo, y tế, giáo dục, văn hoá được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

Thứ tư, kế thừa và phát triển tư tưởng giải phóng người phụ nữ.

Thế kỷ XXI với những điều kiện sống về vật chất và tinh thần đối với con người đã có sự đủ đầy nhất định. Chúng ta mới thấy được hết những giá trị nhân văn ở Việt Nam thế kỷ XVIII về khát vọng tình cảm và giải phóng tình cảm con người nói chung, của người phụ nữ nói riêng là có tính vượt thời đại.

Vấn đề đấu tranh đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ ở Việt Nam có sự chi phối từ những nguyên nhân của lịch sử và ở từng giai đoạn lịch sử khác nhau, cũng có những biểu hiện khác nhau. Trong xã hội phong kiến Việt Nam vốn lấy đạo Khổng làm học thuyết chính trị trong việc trị nước, do đó vai trò của người phụ nữ trong xã hội trở nên hết sức thấp kém. Theo đó, sự bất bình đẳng giới cũng diễn ra phổ biến, các quyền cơ bản của phụ nữ không được bảo đảm, thậm chí bị tước đoạt một cách vô lý. Thế kỷ XVIII, trên tinh thần nhân văn sâu sắc, thời kỳ này đã phát triển mạnh mẽ tư tưởng đấu tranh đòi giải phóng phụ nữ trên các phương diện: tình yêu, hạnh phúc và khát vọng vươn lên thực hiện quyền bình đẳng nam nữ.

Hiện nay, Việt Nam đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, vấn đề đấu tranh vì mục tiêu bình đẳng giới và phát triển của phụ nữ ở Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Bởi, xuất phát điểm của Việt Nam là một nước nông nghiệp lạc hậu, trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc và sau khi giành được độc lập, với ý thức hệ chính trị lấy Nho giáo làm chủ đạo. Vì vậy, đã chịu ảnh hưởng nặng nề của định kiến giới, nên tư tưởng trọng nam, khinh nữ vẫn còn tồn tại khá phổ biến trong nếp nghĩ và hành động của một bộ phận nhân dân. Ở những góc độ nhất định, phụ nữ vẫn còn bị phân biệt đối xử ở vị trí việc làm, địa xã hội, nhất là vị trí lãnh đạo trong các cơ quan, doanh nghiệp của phụ nữ chưa thực sự tương xứng. Ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, phụ nữ còn bị ràng buộc bởi phong tục, tập quán lạc hậu, tỷ lệ phụ nữ nghèo, mù chữ còn cao, bạo lực gia đình, tệ nạn mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em, lấy chồng người nước ngoài còn diễn biến phức tạp...

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thực hiện quyền bình đẳng giới đối với phụ nữ, với tinh thần nhân văn

sâu sắc, ngay trong Cương lĩnh chính trị năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: Nam, nữ bình quyền là một trong mười nhiệm vụ cốt yếu của Cách mạng Việt Nam. Điều đó cũng được ghi nhận trong Hiến pháp đầu tiên năm 1946 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, *Nghị quyết số 11-NQ/TU* ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đặc biệt là trong Hiến pháp sửa đổi năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mục tiêu mà Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 27/4/2007 đề ra là: Phấn đấu đến năm 2020, phụ nữ được nâng trình độ về mọi mặt, có trình độ học vấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, có việc làm, được cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần, tham gia ngày càng nhiều hơn công việc xã hội, bình đẳng trên mọi lĩnh vực, đóng góp ngày càng lớn hơn cho xã hội và gia đình. Luật Bình đẳng giới được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2006. Điều này khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc thúc đẩy bình đẳng giới và thực hiện quyền phụ nữ.

Cụ thể hóa đường lối của Đảng, Chính phủ xây dựng chiến lược quốc gia về bình đẳng giới từ năm 2011 - 2020, với mục đích tăng tỷ lệ phụ nữ nắm giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ; bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; bình đẳng nam nữ trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe. Tiến tới xóa bỏ bạo lực vì nguyên nhân bất bình đẳng giới.

Từ nhận thức và hành động mang một giá trị nhân văn sâu sắc đó, người phụ nữ Việt Nam hiện nay ngày càng khẳng định được đạo đức, phẩm chất, tài năng của mình các lĩnh vực.

Trong lĩnh vực chính trị, sự tham gia của phụ nữ vào bộ máy chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương, tỉnh, huyện, và xã đã có sự tăng lên đáng kể. Hiện nay, phụ nữ tham gia hoạt động chính trị và tham gia quản lý nhà nước các cấp từ trung ương đến cơ sở chiếm khoảng 20%.

Đội ngũ trí thức nữ đã có những đóng góp to lớn vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, các nhà khoa học và chuyên gia nữ đã có nhiều đóng góp trong hoạt động khoa học, lao động sáng tạo, cũng như trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Trong sự đổi mới của đất nước, không khí sinh hoạt dân chủ, phát huy tự do tư tưởng được mở rộng, hoạt động nghiên cứu

khoa học đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ thông tin,...

Thứ năm, tiếp tục kế thừa phát triển tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng một bộ máy công quyền trong sạch do dân và vì dân, thực hiện xóa đói giảm nghèo bền vững, xây dựng một xã hội nhân văn phát triển

Thế kỷ XVIII các nhà tư tưởng đã có một yêu cầu hết sức căn bản đối với những nhà cầm quyền đó là phải biết khoan thư sức dân, lấy dân làm gốc, phải thi hành chính sách “*nhân chính*”. Chỉ có điều, trong tư tưởng nhân văn này việc kính dân, trọng dân, dân là gốc của nước cuối cùng đi đến mục đích vì sự thịnh trị của vương triều, của hoàng tộc để bảo vệ quyền lợi giai cấp thống trị. Còn ngày nay chúng ta tiếp tục đưa tinh thần tư tưởng này lên tầm cao thời đại Hồ Chí Minh, tất cả do dân, vì dân, đặt lợi ích nhân dân lên trên hết. Đây là nguyên tắc đầu tiên và quan trọng nhất bởi nước ta đã là nước dân chủ thì: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”. Như Bác Hồ đã nói, Đảng ta là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, phục vụ cách mạng, chứ Đảng không phải: “Là một tổ chức để làm quan phát tài”. Thực tiễn ở nước ta hiện nay cho thấy, nơi nào cán bộ, đảng viên làm tốt công tác dân vận, nghe dân nói, để dân bàn, dân giám sát, dân kiểm tra và dân được thụ hưởng từ chính sách của Nhà nước thì nơi đó dân yêu cán bộ, dân tin vào Đảng. Nơi nào cán bộ xa dân, tham ô, những nhiều, cán bộ yếu kém, có nhiều tiêu cực thì ở đó dân không tin cán bộ, có khiếu kiện, mất trật tự an ninh xã hội. Cán bộ, Đảng viên phải nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình, dám chịu trách nhiệm, khi có khuyết điểm thì thật thà tự phê bình trước nhân dân và hoan nghênh nhân dân phê bình mình. Việc quần chúng phê bình cán bộ đảng viên là hoàn toàn có lợi và tích cực (nếu phê bình đúng), nó làm cho cán bộ và nhân dân hiểu nhau, thông cảm với nhau, đoàn kết hơn và giúp nhau cùng tiến bộ. Nếu cán bộ đảng viên có khuyết điểm thì thẳng thắn nhận rồi quyết tâm sửa chữa; Đường lối chính sách nào không hợp lòng dân thì công khai sửa đổi, dựa vào ý kiến của quần chúng để thay đổi tổ chức, điều chuyển cán bộ cho phù hợp, như thế thì nhân dân càng thấy rõ vai trò, tiếng nói của mình (trước đây Bác Hồ đã từng thay mặt Đảng công khai nhận lỗi trước dân khi chúng ta mắc những khuyết điểm, sai lầm trong cải cách ruộng đất những năm 1954 - 1957). Hiện nay trong điều kiện kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập sâu sắc, một bộ phận cán bộ đảng viên đang có những biểu hiện suy thoái về đạo đức lối sống thậm

chí thoái hóa biến chất, quan liêu, tham nhũng, tham ô, lãng phí rồi trở thành tội phạm. Chính vì vậy mà Đảng phải dựa vào dân thì mới tập hợp được sức mạnh và trí tuệ của toàn dân tộc như Bác Hồ nói “Dễ trăm lần không dân cũng chịu; Khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Muốn để dân phục thì người cán bộ đảng viên phải thực hành cần - kiệm - liêm - chính - chí - công - vô - tư. Phải xung phong làm đầu tàu gương mẫu để nhân dân theo. Phải có tinh thần chống quan liêu - tham nhũng - lãng phí triệt để cho Nhà nước trong sạch, vững mạnh thì mọi lợi ích của nhân dân mới được đảm bảo, quyền dân chủ mới có hiệu lực.

Trong quá trình xây dựng đất nước hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã và đang đẩy mạnh công cuộc xóa đói giảm nghèo bền vững, với mục đích rút ngắn khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và vùng núi “Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức xóa đói giảm nghèo và gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm để xóa đói giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo” [2]. Thực tiễn những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và các cấp bộ đảng, chính quyền địa phương, chúng ta đã có những chính sách, giải pháp tương đối đồng bộ, hiệu quả tập trung giải quyết vấn đề xóa đói, giảm nghèo và hạn chế phân hóa giàu nghèo mang tầm quốc gia được quốc tế ủng hộ và đánh giá cao. Thông qua các chương trình xóa đói giảm nghèo như 134, 135, chương trình phát triển kinh tế, xã hội miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn..., nước ta đã có hàng triệu hộ gia đình, hàng chục triệu người thoát khỏi đói nghèo, vươn lên làm giàu; góp phần hạn chế phân hóa giàu nghèo, thực hiện công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội. Định hướng cơ bản của Đảng và Nhà nước ở đây là tạo cơ chế, chính sách để xóa đói, giảm nghèo bền vững cho dân theo cách “cho dân cần cầu chứ không cho con cá”.

Ý nghĩa, giá trị của tư tưởng nhân văn truyền thống nói chung, thế kỷ XVIII nói riêng đã và đang được chúng ta ngày nay vận dụng và kế thừa một cách sáng tạo, từng bước đưa tư tưởng nhân văn Việt Nam đến tầm cao thời đại.

3. KẾT LUẬN

Lịch sử tư tưởng dân tộc luôn vận động theo các giai đoạn phát triển của đất nước. Tinh thần nhân văn của thế kỷ XVIII với vấn đề về tự do, ấm no, hạnh phúc, bình đẳng nam nữ, tự do yêu đương... phần nào coi con người là trung tâm của xã hội,... là bước phát triển

mới trong quá trình phát triển tư tưởng nhân văn truyền thống, giá trị thời đại của tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỷ XVIII được phân tích trong bài này cho thấy việc nghiên cứu nội dung tư tưởng nhân văn truyền thống Việt Nam nói chung, thế kỷ XVIII nói riêng không chỉ là một thái độ trân trọng lịch sử, truyền thống, mà còn là việc hết sức cần thiết cho sự kế thừa, phát triển chủ nghĩa nhân văn trong thời đại mới, thể hiện sự tư duy trên cơ sở phương pháp luận duy vật lịch sử, đây là sự kết hợp biện chứng giữa hiện thực và quá khứ, hay nói cách khác cần có dấu gạch nối quá khứ, hiện thực và tương lai. Trên cơ sở đó tìm ra những gợi ý cho việc giải quyết các vấn đề về mặt tư tưởng, lý luận mà thực tiễn xã hội hiện nay đặt ra. Đó là ý nghĩa để việc nghiên cứu này cần được tiếp tục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn, PGS.TS. Nguyễn Văn Huyền (Đồng chủ biên) (2002), *Giá trị truyền thống những thách thức của toàn cầu*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [2]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3]. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4]. Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tuyên (Chủ biên) (2012), *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Thu Hương (2001), *Tư tưởng nhân văn truyền thống Việt Nam thế kỉ X đến thế kỉ XIV - nội dung và phương hướng kế thừa*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- [6]. Trường Lưu (1996), *Chủ nghĩa nhân văn và văn hóa dân tộc*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Tài Thư (1985), *Xã hội phong kiến với sự phát triển của con người Việt Nam trong lịch sử*, Tạp chí Triết học, (4).
- [8]. Lê Trí Viễn, Phan Côn, Đặng Thanh Lê, Phạm Văn Luận, Lê Hoài Nam (1971), *Lịch sử văn học Việt Nam tập 3 văn học viết*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
- [9]. Trần Nguyên Việt (2002), *Giá trị nhân văn truyền thống Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*, in trong Nguyễn Trọng Chuẩn “Giá trị truyền thống những thách thức của toàn cầu hóa”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

THÔNG TIN TÁC GIẢ



Phạm Văn Dự

- Tóm tắt quá trình đào tạo, nghiên cứu (thời điểm tốt nghiệp và chương trình đào tạo, nghiên cứu):
- + Năm 2008: Tốt nghiệp Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội chuyên ngành Lịch sử Triết học.
- + Năm 2013: Tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Triết học tại Trung Tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- + Năm 2018: Tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Triết học tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Tóm tắt công việc hiện tại: Trưởng phòng Công tác sinh viên, giảng viên, khoa GDCT&TC, Trường Đại học Sao Đỏ.
- Lĩnh vực quan tâm: Lịch sử tư tưởng Việt Nam.
- Email: phamvandu84@gmail.com.
- Điện thoại: 0976181949.



Trần Thị Hồng Nhung

- Tóm tắt quá trình đào tạo, nghiên cứu (thời điểm tốt nghiệp và chương trình đào tạo, nghiên cứu):
- + Năm 2002: Tốt nghiệp Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, chuyên ngành Lịch sử triết học.
- + Năm 2011: Tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Triết học (Đại học Quốc gia Hà Nội).
- Hiện đang công tác tại khoa Giáo dục Chính trị và Thể chất, Trường Đại học Sao Đỏ.
- Lĩnh vực quan tâm: Khoa học xã hội.
- Email: tranhongnhung1977@gmail.com.
- Điện thoại: 0974588423.



Vũ Văn Chương

- Tóm tắt quá trình đào tạo, nghiên cứu (thời điểm tốt nghiệp và chương trình đào tạo, nghiên cứu):
- + Năm 2011: Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên.
- + Năm 2016: Tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí.
- Tóm tắt công việc hiện tại (chức vụ, cơ quan): Giảng viên khoa Ô tô.
- Lĩnh vực quan tâm: Quốc phòng - An ninh.
- Email: chuongvuvan1972@gmail.com.
- Điện thoại: 0386109218.